

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế
trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý
của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế
một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tổng
Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực
phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính
phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 338/TTr-TTBT
ngày 15 tháng 3 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (*Danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng quy định tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Sở TT&TT (p/h cập nhật các phần mềm);
- Sở Nội vụ (phòng CCHC);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, Hữu.

CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
29.03.2021
10:11:27 +07:00

Lê Tuấn Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THỂ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH THANH TRA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 764 /QĐ-UBND ngày 29 /3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Thủ tục hành chính được thay thế		Thủ tục hành chính thay thế							
	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
							Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI		
1. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (04 TTHC)										
1	2.001790	<i>Thủ tục thực hiện kê khai tài sản thu nhập</i>	2.002364	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	<p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</p> <p>- Người đang giữ vị trí công tác tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021.</p> <p>- Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển</p>	<p>Tại trụ sở cơ quan Nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước.</p>	Mức độ 2	Không	Không	<p>- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ.</p>
	2.001907	<i>Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập</i>								

dụng, bố trí vào vị trí công tác.

2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:

Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.

3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm:

Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn

				<p>thành việc kê khai trước ngày 31/12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

2	2.001905	<i>Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập</i>	2.002365	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc).	Tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước.	Mức độ 2	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tham nhũng ngày năm 2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.
3	2.001798	<i>Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình</i>	2.002366	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình.	Tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước.	Mức độ 2	Có	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

4	2.001797	<i>Thủ tục thực hiện việc giải trình</i>	2.002367	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước.	Mức độ 2	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.
---	----------	--	----------	-----------------------------------	--	---	----------	-------	-------	--